

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/12/2025
“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Xuân Quyền và bà H’Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1974; CCCD số: 037174011211; Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Vũ Văn B, sinh năm 1971; CCCD số: 034071013294; Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà Lê Thị L và ông Vũ Văn B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống ông B bà L có 02 con chung là Vũ Thị Kim L1, sinh năm 1991 và Vũ Văn N, sinh năm 1996.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà L và ông B đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Vũ Văn B. Về con chung: Các con của bà Linh trưởng T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Văn B trình bày:

Ông Vũ Văn B có chung sống với bà Lê Thị L từ năm 1991 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống đến năm 2022, ông B và bà L xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Ông B và bà L đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay bà L

yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông B và bà L thì ông B đồng ý.

Trong quá trình chung sống ông B và bà L có 02 con chung là Vũ Thị Kim L1, sinh năm 1991 và Vũ Văn N, sinh năm 1996. Các con đã trưởng thành nên ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung và tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L; tuyên không công nhận bà Lê Thị L và ông Vũ Văn B là vợ chồng. Về con chung: Các con của bà L và ông B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung: Bà L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà Lê Thị L và ông Vũ Văn B là vợ chồng. Bị đơn ông Vũ Văn B trú tại tổ dân phố F, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Vũ Văn B xác nhận ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Chính quyền địa phương nơi bà L, ông B cư trú cũng xác nhận bà L và ông B chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn. Như vậy, việc bà L và ông B chung sống với nhau như vợ chồng mà không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà L có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông B và ông B cũng đồng ý yêu cầu của bà L nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông B.

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1. N, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...

Và tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.

[2.2] *Về con chung*: Các con chung của bà L và ông B gồm chị Vũ Thị Kim L1, sinh năm 1991 và anh Vũ Văn N, sinh năm 1996 đều đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không giải quyết về con chung.

[3] *Về tài sản và công nợ chung*: Bà L và ông B đều không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] *Về án phí*: Bà Lê Thị L phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

Không công nhận bà Lê Thị L và ông Vũ Văn B là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006068 ngày 21/10/2025 của Cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6 – Lâm Đồng;
- Chi cục THADS khu vực 6 – Lâm Đồng;
- UBND phường Bắc Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến

